

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 13 – 8 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đại Đồng.

Ông Trần Xuân Tộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Quang, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 02/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị L sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Bà Hoàng Thị H sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HX, xã ĐH, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn S sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HX, xã ĐH, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Do quen biết bà đã cho bà Hoàng Thị H vay tiền nhiều lần: lần thứ nhất, sáng ngày 09/9/2018 bà cho bà H vay 300.000.000 đồng lãi suất theo quy định, hạn trả ngày 09/10/2018; lần thứ hai, tối ngày 09/9/2018 bà cho bà H vay tiếp 100.000.000 đồng lãi suất theo quy định hạn trả ngày 22/10/2018 và lần thứ ba ngày 25/10/2018 bà cho bà H vay 200.000.000 đồng lãi suất theo quy định hạn trả

ngày 25/12/2018. Các lần vay bà H đều đã nhận đủ tiền và tự tay viết giấy biên nhận nợ. Bà H cam kết trả lại bà cả nợ gốc và nợ lãi nhưng bà H đã không trả được đồng nào. Vì thế bà yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Hoàng Thị Huyền trình bày:

Bà và bà Hoàng Thị L có quan hệ quen biết làm ăn với nhau nên nhiều lần vay tiền của bà L. Mỗi lần vay bà và bà L đều viết giấy vay tiền và biên nhận. Cụ thể ngày 9/9/2018, bà có vay bà L số tiền là 400.000.000 đồng theo hai giấy biên nhận ngày 09/9/2018 và ngày 25/10/2018 bà có vay bà L số tiền là 200.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 25/10/2018. Tổng số tiền bà nợ bà L là 600.000.000 đồng. Khi vay tiền của bà L, bà tự tay viết giấy biên nhận ký và điểm chỉ vào giấy biên nhận, không bị ai ép buộc. Mục đích vay theo giấy biên nhận là để mua ô tô (theo giấy biên nhận ngày 09/9/2018). Khi vay bà và bà L thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/ngày nhưng không thể hiện trong nội dung giấy biên nhận, bà cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này. Bà và bà L có thỏa thuận cụ thể với nhau về thời hạn trả nợ ghi trong các giấy biên nhận. Tuy nhiên, do làm ăn không thuận, kinh tế gặp khó khăn nên bà không thanh toán trả tiền đúng hạn cho bà L. Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết trong ba giấy biên nhận tổng số nợ là 600.000.000 đồng đúng là chữ viết, chữ ký của bà và không bị ai ép buộc. Lý do bà viết giấy nhận nợ với bà L như các giấy biên nhận là do bà L bảo phòng tôi xảy ra chuyện không trả được bà còn nhờ người đòi. Tuy nhiên, theo bà thực chất bà chỉ vay bà L có 250.000.000 đồng và bà cũng đã trả bà L tiền lãi gần bằng 250.000.000 đồng, nay bà chỉ chấp nhận trả bà L 250.000.000 đồng nợ gốc và xin không trả nợ lãi. Bà không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà chỉ vay bà L 250.000.000 đồng và bà đã trả nợ lãi cho bà L.

Tại đơn đề nghị ngày 20/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Hoàng Thị H cùng thống nhất trình bày: Đối với khoản tiền vay nợ của bà Hoàng Thị L là khoản tiền vay riêng giữa bà H với bà L để làm ăn riêng, không liên quan gì đến ông S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Mỹ Đức phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng và xét xử công khai khách quan.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 466, Điều 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L buộc bà Hoàng Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi thanh toán trả hết nợ.

Bà Huyền phải chịu áp phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị L và bị đơn bà Hoàng Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, đồng thời đã Quyết định hoãn phiên tòa nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật: Các giao dịch vay tiền giữa bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị L được xác lập, thực hiện vào các ngày 09/9/2018 và ngày 25/10/2018 và có tranh chấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phải áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về phần nợ gốc: Bị đơn bà Hoàng Thị H thừa nhận có vay tiền và tự tay viết, ký nhận, điểm chỉ vào giấy biên nhận vay nợ của bà Hoàng Thị L số tiền là 400.000.000 đồng theo hai giấy biên nhận ngày 09/9/2018 và số tiền là 200.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 25/10/2018 không bị ai ép buộc; việc vay nợ có xác định thời hạn trả nợ và có lãi. Do vậy, có cơ sở xác định tổng số tiền bà Huyền vay của bà L theo các giấy biên nhận ngày 09/9/2018 và ngày 25/10/2018 là có thật, là nợ riêng của bà H đối với bà L và được xác định là giao dịch vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà H chưa thanh toán trả bà L đồng nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết. Về số tiền bà H khai đã trả bà L gần 250.000.000 đồng nhưng bà H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về lãi suất: Các đương sự thừa nhận giao dịch vay tiền các ngày 09/9/2018, ngày 25/10/2018 là hợp đồng vay có lãi nhưng chỉ thỏa thuận miệng nên không ghi vào giấy biên nhận. Theo bà L thỏa thuận miệng về lãi suất với bà H theo quy định của pháp luật, còn bà H cho rằng mức lãi suất vay tiền của bà L là 3.000 đồng/1 triệu/ngày và bà đã trả được gần hết 290.000.000 đồng nhưng các bên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận và xác định giữa các đương sự có tranh chấp về lãi suất đối với các giao dịch vay tiền nêu trên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì xác định các giao dịch vay tiền

giữa bà L và bà H thuộc “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”.

[3.2.1] Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của giao dịch vay 300.000.000 đồng ngày 09/9/2018 (hạn trả 09/10/2018) là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 50\% \times 1 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của giao dịch vay 100.000.000 đồng ngày 09/9/2018 (hạn trả 22/10/2018) là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 50\% \times 1 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 1.194.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của giao dịch vay 200.000.000 đồng ngày 25/10/2018 (hạn trả 25/12/2018) là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 50\% \times 2 \text{ tháng} = 1.667.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: 5.361.000 đồng.

[3.2.2] Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468; điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay được xác định trong trường hợp có tranh chấp về lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ mà bà Huyền phải trả cho bà L cụ thể như sau:

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của giao dịch vay 300.000.000 đồng ngày 09/9/2018 (từ ngày 10/10/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2020) là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 50\% \times 150\% : 30 \text{ ngày} \times 1 \text{ năm} 10 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} (668 \text{ ngày}) = 83.500.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của giao dịch vay 100.000.000 đồng ngày 09/9/2018 (từ ngày 23/10/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2020) là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 50\% \times 150\% : 30 \text{ ngày} \times 1 \text{ năm} 9 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} (655 \text{ ngày}) = 27.291.667 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của giao dịch vay 200.000.000 đồng ngày 25/10/2018 (từ ngày 26/12/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2020) là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 50\% \times 150\% : 30 \text{ ngày} \times 1 \text{ năm} 7 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} (592 \text{ ngày}) = 49.333.333 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: 160.125.000 đồng.

Tổng nợ lãi là: 165.486.000 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi buộc bà Huyền phải trả cho bà L là 765.486.000 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 289, 357, 466, 468, 470, 614 và 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 26/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L. Buộc bà Hoàng Thị H phải trả bà Hoàng Thị L tổng số tiền 765.486.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 600.000.000 đồng; nợ lãi là 165.486.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị Huyền phải nộp 34.619.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L 14.000.000 đồng tiền dự phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002657 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn; kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Mạnh Thắng